TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

24/6
C71.206

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20QTNH
CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 24/06/2022
Phòng thi: C71.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	119020001	Võ Thị Phương	Anh	21/03/2002	Nữ	6.6	7,4	7,0	001			7,4
2	119020003	Huỳnh Bảo	Bảo	11/11/2002	Nam	7.5	6,0	6,8	002			
3	119020009	Trương Hoàng	Luân	01/07/2002	Nam	8.5	5,4	7,0	003			5,4
4	119020010	Cao Thị Quế	Minh	24/10/2001	Nữ	8.5	4,0	6,3	004			
5	119020012	Lê Thị Uyển	Nhi	06/08/2002	Nữ	6.8	4,6	5,7	005			4,6
6	119020014	Trần Tấn	Phát	09/01/2002	Nam	6.6	3,2	4,9	006			3,2
7	119020015	Nguyễn Thị Diễm	Thơ	12/06/2002	Nữ	8.8	4,2	6,5	007			4,2
8	119020016	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	27/02/2002	Nữ	7.7	3,4	5,6	008			3,4
9	119020018	Trần Thị Minh	Thúy	20/02/2002	Nữ	6.5	4,2	5,4	009			4,2
10	119020024	Chung Thị Ngọc	Tuyền	24/12/2002	Nữ	7.7	2,4	5,1	010			2,4
11	119020025	Trần Vân	Anh	09/01/2002	Nữ	8.2	6,0	7,1	011			
12	119020027	Mai Thị Thùy	Mỹ	19/08/2002	Nữ	8.2	2,8	5,5	012			2,8
13	119020029	Nguyễn Huyền	Trang	19/01/2002	Nữ	8.2	4,4	6,3	013			4,4
14	119020050	Phạm Mỹ	Hiền	25/03/2002	Nữ	8.7	5,0	6,9	014			
15	119020054	Trần Nguyễn Mỹ	Huyền	26/11/2002	Nữ	7.1	3,8	5,5	015			3,8
16	119020086	Dương Thị Thanh	Thùy	02/10/2002	Nữ	8.7	5,2	7,0	016			5,2
17	119020100	Nguyễn Huỳnh Khánh	Vân	17/10/2002	Nữ	9.6	6,6	8,1	017			6,6
18	119020101	Nguyễn Anh	Tuấn	15/09/2002	Nam	8.3	4,4	6,4	018			4,4

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Ngọc Tuấn

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Ngày in : 07/06/2022 16:05

Trần Văn Tốn

Nguyễn Tiến Dũng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2516

C71 205

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20QKDB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 25/6/2022

Phòng thi: C71 205

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	112220002	Võ Thiện	Ân	19/04/2002	Nam	6.8	3,4	5,1				
2	112220006	Nguyễn Ngọc Huế	Anh	06/05/2002	Nữ	7.9	4,6	6,0				
3	112220010	Hồ Nhã	Bình	28/11/2002	Nữ	6.0	3,2	4,6				
4	112220011	Võ Minh	Chiến	17/06/2002	Nam	8.2	5,4	6,8				
5	112220018	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	03/02/2002	Nữ	6.6	4,6	5,6				
6	112220019	Cao Thùy	Dương	26/12/2002	Nữ	9.2	6,0	7,6				
7	112220020	Hà Thị Tường	Duy	01/02/2002	Nữ	6.5	4,2	5,4				
8	112220021	Nguyễn Khánh	Duy	29/07/2002	Nam	6.8	5,6	6,2				
9	112220026	Lê Thị Ngọc	Giàu	01/02/2002	Nữ	7.5	5,8	6,7				
10	112220027	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	05/09/2002	Nữ	8.7	4,6	6,7				
11	112220038	Trịnh Đức	Huy	01/05/1998	Nam	10.0	6,2	8,1				
12	112220045	Huỳnh Đăng	Khoa	08/05/2001	Nam	7.5	5,8	6,7				
13	112220047	Lê Thúy	Kiều	20/09/2002	Nữ	6.9	6,0	6,5				6,0
14	112220048	Huỳnh Hoàng	Kim	12/10/2002	Nam	6.8	7,8	7,3				7,8
15	112220054	Lưu Huỳnh Duyên	Linh	30/06/2002	Nữ	9.7	8,0	8,9				
16	112220060	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	18/04/2002	Nữ	9.3	3,0	6,2				
17	112220062	Nguyễn Thanh	Ngân	21/10/2001	Nữ	7.9	4,4	6,2				
18	112220069	Kim Chí Phượng	Nguyệt	01/06/2002	Nữ	9.0	5,0	7,0				
19	112220070	Trần Thị Yến	Nhi	20/08/2002	Nữ	8.5	6,4	7,5				
20	112220075	Nguyễn Tâm	Như	02/06/2001	Nữ	8.5	4,8	6,7				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Dũng Phấn

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Văn Văn Sơn

Nguyễn Tiến Thanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2516

C71.206

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20QKDB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 25/06/2022

Phòng thi: C71.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	112220081	Diệp Tấn	Phát	03/02/2002	Nam	9.5	4,8	7,2	001			
2	112220102	Kim Thị Thanh	Thúy	25/07/2002	Nữ	9.1	5,6	7,4	002			
3	112220104	Lý Ngọc	Tiên	21/04/2002	Nữ	9.4	4,2	6,8	003			
4	112220118	Lê Thị Phương	Trang	29/01/2002	Nữ	6.2	5,4	5,8	004			
5	112220120	Phạm Thị Ngọc	Trinh	08/04/2002	Nữ	9.3	4,4	6,9	005			
6	112220130	Trần Thị Thảo	Vi	15/12/2002	Nữ	9.1	5,8	7,5	006	Vi		
7	112220131	Nguyễn Thị Tường	Vi	04/03/2002	Nữ	9.2	3,0	6,1	007			
8	112220134	Trần Phước	Vinh	18/09/2002	Nam	8.9	5,0	7,0	008			
9	112220136	Phạm Thị Thúy	Vy	07/01/2002	Nữ	9.3	6,0	7,7	009			
10	112220138	Hà Như	Ý	12/02/2002	Nữ	9.9	4,0	7,0	010			
11	112220139	Lữ Thị Hoàng	Yến	12/11/2002	Nữ	9.0	4,4	6,7	011			
12	112220142	Văn Thị Hồng	Duy	18/08/2002	Nữ	8.3	4,8	6,1	012			
13	112220143	Đỗ Minh	Hiếu	07/04/2002	Nam	9.3	5,4	7,4	013			
14	112220145	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	02/01/2002	Nữ	6.9	5,0	6,0	014			
15	112220147	Lê Nguyễn Tuyết	Huỳnh	18/12/2002	Nữ	8.8	5,0	6,9	015			
16	112220153	Phạm Hửu	Tân	17/06/2002	Nam	9.3	4,0	6,7	016			
17	112220157	Nguyễn Thị Anh	Thư	17/12/2002	Nữ	8.8	5,2	7,0	017			
18	112220158	Trần Thị Cẩm	Thúy	02/11/2002	Nữ	10.0	5,0	7,5	018			
19	112220166	Nguyễn Ngọc Triệu	Vy	29/03/2002	Nữ	8.4	5,6	7,0	019			
20	112220167	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	28/11/2002	Nữ	8.5	5,6	7,1	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh phi

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Hoàn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20QKDB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc Nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 25/06/2022

Phòng thi: C71 206

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	112220175	Nguyễn Phi	Châu	16/06/2002	Nữ	5.8	5,8	5,8	021			
2	112220185	Nguyễn Thị Ngọc	Đang	24/06/2002	Nữ	8.0	4,4	6,2	022			
3	112220205	Hồ Hạ	Lam	03/03/2002	Nữ	8.4	5,6	7,0	023			
4	112220233	Mai Phi	Phố	17/10/2002	Nam	7.9	5,6	6,8	024			
5	112220245	Phan Thị Lan	Thanh	29/06/2002	Nữ	8.5	5,6	7,1	025			
6	112220252	Nguyễn Thị Anh	Thư	20/04/2002	Nữ	10.0	6,2	8,1	026			
7	112220254	Trần Thị Minh	Thư	18/02/2002	Nữ	6.9	5,4	6,2	027			
8	112220257	Đinh Minh	Toàn	29/06/2002	Nam	9.2	5,2	7,2	028			
9	112220267	Bùi Thị Gia	Vi	06/12/2002	Nữ	7.2	6,4	6,8	029			
10	112220278	Cô Thị Kim	Yến	22/12/2002	Nữ	9.7	5,8	7,8	030			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ: 10

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Ngày in : 07/06/2022 16:05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20QKDA
CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 21/6/2022
Phòng thi: C.H. 205

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	112220046	Lê Tiết Mỹ	Khuyên	11/06/2002	Nữ	7.2	4,8	6,0				
2	112220061	Kiên Thị Thúy	Ngân	28/02/2002	Nữ	7.0	5,4	6,2				
3	112220076	Lâm Tâm	Như	30/05/2002	Nữ	9.7	4,2	7,0				
4	112220086	Trần Tố	Quyên	08/08/2002	Nữ	8.8	5,2	7,0				
5	112220108	Ngô Hà	Trâm	09/11/2002	Nữ	8.4	5,4	6,9				
6	112220132	Nguyễn Tường	Vi	03/09/2002	Nữ	8.3	4,2	6,3				
7	112220281	Tăng Quốc	Trung	05/12/2001	Nam							
8	112220283	Lê Thị Thùy	Linh	06/10/2002	Nữ	7.5	5,6	6,6				
9	112220291	Trần Thị Thu	Trinh	18/03/2002	Nữ	8.3	4,2	6,3				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Duy Phương

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Phan Văn Đạo

Nguyễn Đức Tuấn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2516

C71.204

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20QTKS

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

25/6/2022

Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	118920004	Nguyễn Hồng	Duyên	21/06/2002	Nữ	5.7	2,4	4,1				
2	118920009	Nguyễn Lý Thiên	Kim	12/11/2001	Nữ	8.1	4,6	6,4				
3	118920013	Huỳnh Thị Hồng	Ngân	10/08/2002	Nữ	7.3	—	—				vắng
4	118920017	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/12/2001	Nữ	7.6	4,8	6,2				
5	118920019	Vũ Thị Hồng	Ngọc	19/11/2001	Nữ	7.7	4,0	5,9				
6	118920023	Nguyễn Thị	Nhý	27/06/2002	Nữ	7.0	4,8	5,9				
7	118920025	Trần Xuân	Quyên	07/12/2001	Nữ	5.9	4,2	5,1				
8	118920028	Phạm Thị Ngọc	Sòn	16/11/2002	Nữ	9.3	4,6	7,0				
9	118920033	Phạm Chí	Thiện	27/07/2002	Nam	6.9	4,2	5,6				
10	118920034	Trần Thị Anh	Thư	13/04/2002	Nữ	8.6	4,8	6,7				
11	118920037	Nguyễn Thị Mỹ	Trâm	01/04/2002	Nữ	7.7	4,4	6,1				
12	118920038	Đặng Lê Ngọc	Trúc	13/06/2002	Nữ	7.7	4,4	6,1				
13	118920039	Đặng Nguyễn Tấn	Việt	25/10/2002	Nam	7.0	5,2	6,1				
14	118920040	Nguyễn Lê Lan	Vy	04/11/2000	Nữ	7.6	7,0	7,3				
15	118920043	Lê Như	Ý	21/02/2002	Nữ	7.5	6,2	6,9				
16	118920047	Lê Thị Bảo	Khanh	10/04/2002	Nữ	6.6	3,8	5,2				
17	118920048	Đặng Hữu	Lộc	27/06/2002	Nam	7.1	4,6	5,9				
18	118920051	Trang Phương	Nhi	15/12/2002	Nữ	8.6	5,6	7,1				
19	118920055	Võ Thị Như	Ý	04/03/2002	Nữ	6.5	3,0	4,8				
20	118920083	Kim Thị	Hạnh	14/02/2002	Nữ	7.1	5,4	6,3				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thiết Khánh

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20QTKS
CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 25/6/2022
Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	118920085	Thanh Thị Vân	Khánh	31/01/2001	Nữ	6,7	5,2	6,0				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01
Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Chuẩn

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20KDA
CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 25/6/2022
Phòng thi: C.21.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	112120023	Phan Trường	Khang	06/05/2002	Nam	8,3	4,0	5,7		Khang		
2	112120046	Nguyễn Gia	Thịnh	13/08/2002	Nam	6,9	5,8	6,4		Thịnh		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02
Tổng số tờ: 02

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thức Khánh

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20TTA
CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 25/6/2022
Phòng thi: C.71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110120111	Lê Đặng	Phong	07/10/2002	Nam	2.1	—	—				vắng

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00
Tổng số tờ: 00

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Khánh

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20KTHY

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 25/6/2022

Phòng thi: 0701.2024

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	118420047	Đỗ Minh	Phương	10/11/2002	Nam	/	/	/				Vắng

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ: 00

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Chuẩn

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 26 tháng 6 năm 20*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Kinh tế chính trị Mác - Lênin, lớp DA20QKDB phòng C71.206, buổi Tối ngày 25/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	112220081	Diệp Tấn Phát	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_001	DA20QKDB	24	4.8	
2	112220102	Kim Thị Thanh Thúy	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_002	DA20QKDB	28	5.6	
3	112220104	Lý Ngọc Tiên	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_003	DA20QKDB	21	4.2	
4	112220118	Lê Thị Phương Trang	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_004	DA20QKDB	27	5.4	
5	112220120	Phạm Thị Ngọc Trinh	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_005	DA20QKDB	22	4.4	
6	112220130	Trần Thị Thảo Vi	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_006	DA20QKDB	29	5.8	
7	112220131	Nguyễn Thị Tường Vi	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_007	DA20QKDB	15	3	
8	112220134	Trần Phước Vinh	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_008	DA20QKDB	25	5	
9	112220136	Phạm Thị Thúy Vy	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_009	DA20QKDB	30	6	
10	112220138	Hà Như Ý	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_010	DA20QKDB	20	4	
11	112220139	Lữ Thị Hoàng Yến	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_011	DA20QKDB	22	4.4	
12	112220142	Văn Thị Hồng Duy	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_012	DA20QKDB	24	4.8	
13	112220143	Đỗ Minh Hiếu	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_013	DA20QKDB	27	5.4	
14	112220145	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_014	DA20QKDB	25	5	
15	112220147	Lê Nguyễn Tuyết Huỳnh	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_015	DA20QKDB	25	5	
16	112220153	Phạm Hửu Tân	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_016	DA20QKDB	20	4	
17	112220157	Nguyễn Thị Anh Thư	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_017	DA20QKDB	26	5.2	
18	112220158	Trần Thị Cẩm Thúy	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_018	DA20QKDB	25	5	
19	112220166	Nguyễn Ngọc Triệu Vy	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_019	DA20QKDB	28	5.6	
20	112220167	Nguyễn Thị Mỷ Xuyên	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_020	DA20QKDB	28	5.6	
21	112220175	Nguyễn Phi Châu	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_021	DA20QKDB	29	5.8	
22	112220185	Nguyễn Thị Ngọc Đang	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_022	DA20QKDB	22	4.4	
23	112220205	Hồ Hạ Lam	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_023	DA20QKDB	28	5.6	
24	112220233	Mai Phi Phố	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_024	DA20QKDB	28	5.6	
25	112220245	Phan Thị Lan Thanh	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_025	DA20QKDB	28	5.6	
26	112220252	Nguyễn Thị Anh Thư	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_026	DA20QKDB	31	6.2	

27	112220254	Trần Thị Minh Thư	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_027	DA20QKDB	27	5.4	
28	112220257	Đinh Minh Toàn	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_028	DA20QKDB	26	5.2	
29	112220267	Bùi Thị Gia Vi	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_029	DA20QKDB	32	6.4	
30	112220278	Cô Thị Kim Yến	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.206-T250622_030	DA20QKDB	29	5.8	

Số lượng thí sinh trên danh sách:……

Số lượng thí sinh dự thi :……

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 26 tháng 6 năm 20*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Kinh tế chính trị Mác - Lênin, lớp DA20QKDB phòng C71.205, buổi Tối ngày 25/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	112220002	Võ Thiện Ân	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_007	DA20QKDB	17	3.4	
2	112220006	Nguyễn Ngọc Huế Anh	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_008	DA20QKDB	23	4.6	
3	112220010	Hồ Nhã Bình	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_009	DA20QKDB	16	3.2	
4	112220011	Võ Minh Chiến	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_010	DA20QKDB	27	5.4	
5	112220018	Nguyễn Thị Ngọc Dung	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_011	DA20QKDB	23	4.6	
6	112220019	Cao Thùy Dương	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_001	DA20QKDA	30	6	
7	112220020	Hà Thị Tường Duy	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_012	DA20QKDB	21	4.2	
8	112220021	Nguyễn Khánh Duy	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_013	DA20QKDB	28	5.6	
9	112220026	Lê Thị Ngọc Giàu	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_014	DA20QKDB	29	5.8	
10	112220027	Nguyễn Thị Ngọc Hân	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_015	DA20QKDB	23	4.6	
11	112220038	Trịnh Đức Huy	1998	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_016	DA20QKDB	31	6.2	
12	112220045	Huỳnh Đăng Khoa	2001	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_017	DA20QKDB	29	5.8	
13	112220046	Lê Tiết Mỹ Khuyên	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_002	DA20QKDA	24	4.8	
14	112220047	Lê Thúy Kiều	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_018	DA20QKDB	30	6	
15	112220048	Huỳnh Hoàng Kim	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_019	DA20QKDB	39	7.8	
16	112220054	Lưu Huỳnh Duyên Linh	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_020	DA20QKDB	40	8	
17	112220060	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_021	DA20QKDB	15	3	
18	112220061	Kiên Thị Thúy Ngân	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_003	DA20QKDA	27	5.4	
19	112220062	Nguyễn Thanh Ngân	2001	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_029	DA20QKDB	22	4.4	
20	112220069	Kim Chí Phượng Nguyệt	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_022	DA20QKDB	25	5	
21	112220070	Trần Thị Yến Nhi	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_023	DA20QKDB	32	6.4	
22	112220075	Nguyễn Tâm Như	2001	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_024	DA20QKDB	24	4.8	
23	112220076	Lâm Tâm Như	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_004	DA20QKDA	21	4.2	
24	112220086	Trần Tố Quyên	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_005	DA20QKDA	26	5.2	
25	112220108	Ngô Hà Trâm	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_006	DA20QKDA	27	5.4	
26	112220132	Nguyễn Tường Vi	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_025	DA20QKDA	21	4.2	

27	112220281	Tăng Quốc Trung	2001	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_026	DA20QKDA	0	0	
28	112220283	Lê Thị Thùy Linh	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_027	DA20QKDA	28	5.6	
29	112220291	Trần Thị Thu Trinh	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QKDB-C71.205-T250622_028	DA20QKDA	21	4.2	

Số lượng thí sinh trên danh sách:……

Số lượng thí sinh dự thi :……

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 26 tháng 6 năm 202*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Kinh tế chính trị Mác - Lênin, lớp DA20QTKS phòng C71.204, buổi Tối ngày 25/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi ch
1	110120111	Lê Đặng Phong	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_025	DA20TTA	0	0	
2	112120023	Phan Trường Khang	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_001	DA20KDA	20	4	
3	112120046	Nguyễn Gia Thịnh	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_002	DA20KDA	29	5.8	
4	118420047	Đỗ Minh Phương	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_023	DA20KTHA	0	0	
5	118920004	Nguyễn Hồng Duyên	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_003	DA20QTKS	12	2.4	
6	118920009	Nguyễn Lý Thiên Kim	2001	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_004	DA20QTKS	23	4.6	
7	118920013	Huỳnh Thị Hồng Ngân	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_005	DA20QTKS	0	0	
8	118920017	Nguyễn Thị Kim Ngân	2001	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_006	DA20QTKS	24	4.8	
9	118920019	Vũ Thị Hồng Ngọc	2001	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_007	DA20QTKS	20	4	
10	118920023	Nguyễn Thị Nhý	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_008	DA20QTKS	24	4.8	
11	118920025	Trần Xuân Quyên	2001	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_009	DA20QTKS	21	4.2	
12	118920028	Phạm Thị Ngọc Sòn	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_010	DA20QTKS	23	4.6	
13	118920033	Phạm Chí Thiện	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_011	DA20QTKS	21	4.2	
14	118920034	Trần Thị Anh Thư	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_012	DA20QTKS	24	4.8	
15	118920037	Nguyễn Thị Mỹ Trâm	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_013	DA20QTKS	22	4.4	
16	118920038	Đặng Lê Ngọc Trúc	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_014	DA20QTKS	22	4.4	
17	118920039	Đặng Nguyễn Tấn Việt	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_015	DA20QTKS	26	5.2	
18	118920040	Nguyễn Lê Lan Vy	2000	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_016	DA20QTKS	35	7	
19	118920043	Lê Như Ý	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_017	DA20QTKS	31	6.2	
20	118920047	Lê Thị Bảo Khanh	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_018	DA20QTKS	19	3.8	
21	118920048	Đặng Hữu Lộc	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_019	DA20QTKS	23	4.6	
22	118920051	Trang Phương Nhi	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_020	DA20QTKS	28	5.6	
23	118920055	Võ Thị Như Ý	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_021	DA20QTKS	15	3	
24	118920083	Kim Thị Hạnh	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_022	DA20QTKS	27	5.4	
25	118920085	Thanh Thị Vân Khánh	2001	LLCT-KTCTM-L-DA20QTKS-C71.204-T250622_024	DA20QTKS	26	5.2	

Số lượng thí sinh trên danh sách:……

Số lượng thí sinh dự thi :……

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 11 tháng 7 năm 2022*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Kinh tế chính trị Mác - Lênin, lớp DA20QTNH phòng C71.206, buổi Tối ngày 24/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi
1	119020001	Võ Thị Phương Anh	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_001	DA20QTNH	37	7,4
2	119020003	Huỳnh Bảo Bảo	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_002	DA20QTNH	30	6
3	119020009	Trương Hoàng Luân	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_003	DA20QTNH	27	5,4
4	119020010	Cao Thị Quế Minh	2001	DA20QTNH-C71.206-T240622_004	DA20QTNH	20	4
5	119020012	Lê Thị Uyển Nhi	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_005	DA20QTNH	23	4,6
6	119020014	Trần Tấn Phát	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_006	DA20QTNH	16	3,2
7	119020015	Nguyễn Thị Diễm Thơ	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_007	DA20QTNH	21	4,2
8	119020016	Nguyễn Ngọc Minh Thư	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_008	DA20QTNH	17	3,4
9	119020018	Trần Thị Minh Thúy	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_009	DA20QTNH	21	4,2
10	119020024	Chung Thị Ngọc Tuyền	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_010	DA20QTNH	12	2,4
11	119020025	Trần Vân Anh	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_011	DA20QTNH	30	6
12	119020027	Mai Thị Thùy Mỹ	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_012	DA20QTNH	14	2,8
13	119020029	Nguyễn Huyền Trang	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_013	DA20QTNH	22	4,4
14	119020050	Phạm Mỹ Hiền	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_014	DA20QTNH	25	5
15	119020054	Trần Nguyễn Mỹ Huyền	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_015	DA20QTNH	19	3,8
16	119020086	Dương Thị Thanh Thùy	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_016	DA20QTNH	26	5,2
17	119020100	Nguyễn Huỳnh Khánh Vân	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_017	DA20QTNH	33	6,6
18	119020101	Nguyễn Anh Tuấn	2002	DA20QTNH-C71.206-T240622_018	DA20QTNH	22	4,4

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 11 tháng 7 năm*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Kinh tế chính trị Mác - Lênin, lớp DA20CK phòng C71.205, buổi Tối ngày 24/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi
1	111820004	Sơn Thành Công	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_002	DA20CK	0	0
2	111820007	Châu Trường Hạt	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_003	DA20CK	25	5
3	111820008	Nguyễn Hoàng Hiếu	1993	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_004	DA20CK	20	4
4	111820009	Thạch Kim Hoàng	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_005	DA20CK	18	3,6
5	111820011	Lê Minh Khoa	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_006	DA20CK	17	3,4
6	111820014	Ngô Thanh Phong	2020	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_019	DA20CK	0	0
7	111820015	Hà Tuấn Phong	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_007	DA20CK	26	5,2
8	111820026	Ngô Thống Trị	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_008	DA20CK	21	4,2
9	111820027	Lâm Văn Tuấn	2000	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_009	DA20CK	0	0
10	111820028	Dương Minh Chiêu	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_010	DA20CK	25	5
11	111820029	Nguyễn Thành Đạt	2001	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_011	DA20CK	20	4
12	111820031	Hùynh Công Khởi	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_012	DA20CK	19	3,8
13	111820033	Lý Văn Nhí	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_013	DA20CK	25	5
14	111820034	Nguyễn Thị Ngọc Nhiên	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_014	DA20CK	23	4,6
15	111820038	Lê Anh Tuấn	2001	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_015	DA20CK	24	4,8
16	111820040	Cao Chí Công	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_016	DA20CK	23	4,6
17	111820049	Đặng Thanh Luân	2002	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_017	DA20CK	28	5,6
18	118020036	Lê Đặng Nguyên	2001	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_018	DA20CNOTA	0	0
19	212117024	Lâm Tấn Phát	1999	LLCT-KTCTM-L-DA20CK-C71.205-T240622_001	CA17KD	0	0

Số lượng thí sinh trên danh sách:……

Số lượng thí sinh dự thi :……

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**